

Heavy

OXYVA OB

mái vô song

Guố c OXYVA nh iặt có thiệ ể g ộ 8000 và mang sinh ạnh ờ
chứ c năng ESD, chất l iệu ch ố n g thấm nư ớc và kháng khu
Thích h ợp cho nhiều ngành công n ghiệ p , chúng mang
th ể đồ i tạ n iế g th t k ờ iệ m chi phí.

Những vật liệu cao cấp hơn	EVA mở rộng
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	EVA mở rộng
i Loạ	OB / SR, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-46 / UK 3.0-11.0 / US 3.0-12.0 JPN 21.5-30 / KOR 230-300
ng lượng thép	0.222 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2022(Europe)



2.30 kg

WHT

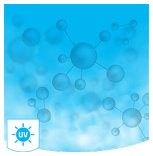


EBL BLK EGN FUX

LIC NAV



Dung dịch chống thấm hợp vệ **sinh**
Giày này được làm bằng vật liệu không thấm nướ , kh ng k ỹ nhẹ
ạch hoặc hướng dẫn bệnh nhân đi tắm.



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**
Giày này có thể được khử trùng bằng hóa chất và tia cực tím.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ch t lửa do tích điện.
00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



iặt ở ể g
Những đôi giày này có thể được trong máy g

Công nghiệp **n:**
thuộc c v ề y h ọ c , phục vụ ăn uố ạnh g, làm sc upẩm &g

ường: **Môi** t
r ờn ng ôn g ảm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t ày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách nhiệt khi tiếp xúc với nhiệt

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Những vật l iệu **EVA** m ở r ộ n g **cao** cấp h ơn					
Top: khả năng h ấm nhanh ơ	? 0.8		N/A	iờ	mg/cm/g
Top: h ấp thụ nước ơ	? 15		N/A		mg/cm2
ót bên trong **SAU ĐÓ**					
L ớp lót: h ấm nhanh ơ	? 2		N/A	iờ	mg/cm/g
lót: h ấp thụ nước ơ	? 20		N/A		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân** **SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
ệ m chân Đ ộ b ền c ơ h ọ c mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ **EVA** m ở r ộ n g					
Ch ỉ số trượt (mài mòn) ế ngoài (	? 150		130		mm
Chư ợt trc ớt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt ướt v ề phía t	? 0.31		0.31		ma sát
r ợt cơ sở bằng G ố m + NaLS - Trư ợt ướt v ề phía t	? 0.36		0.36		ma sát
r ợt SR bằng G ố m + Glycerin - Trư ợt ướt v ề phía t	? 0.19		0.19		ma sát
Chư ợt SR bằng G ố m + Glycerin - Trư ợt ướt v ề phía t	? 0.22		0.22		ma sát
ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000		29.4		megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100		6.8		megaohm
Hấp thụ năng l ượng gót chân ủ	? 20		77		J

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có b ất kỳ quyền sở hữu nào đối với nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được phép sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#hát** thả				
V ật l iệu		0.04		kg
Bao bì		0.10		kg
ất Sản x u		1.90		kg
Chuyên ch ở		0.26		kg
		2.30 kg CO2/ cặp		

Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
Product		87%	
Bao bì		98%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán tiêu chuẩn ngành và có thể thay đổi.